TAND TỈNH KIÊN GIANG
TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ QUỐC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **01**/2018/HNGĐ-ST
Ngày 02/02/2018
V/v: "***Xin ly hôn***"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ QUỐC - TỈNH KIÊN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông **Lâm Thanh Điền**

Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Lương Công Chủ**
2. Bà **Phạm Thị Kiếm**

Thư ký phiên toà: Ông **Phạm Văn Chung**- Thư ký Toà án nhân dân huyện Phú Quốc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Quốc: Vụ án thuộc trường hợp Viện kiểm sát không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 02 tháng 02 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Phú Quốc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 292/2017/TLST – HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2017 về việc: *"Xin ly hôn",* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 82/2017/QĐXXST-HNGĐ, ngày 11 tháng 12 năm 2017; Quyết định hoãn phiên tòa số 117, ngày 28/12/2017 và Thông báo dời phiên tòa số 26, ngày 24/01/2018; giữa các đương sự:

*** *Nguyên đơn:*** Ông **Võ Văn T**, sinh năm 1971.

*** *Bị đơn:*** Bà **Phan Thị T**, sinh năm 1972.

Đồng địa chỉ: Ấp BN, xã TC, huyện PQ, tỉnh Kiên Giang.

(Ông T, bà T có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn ngày 06 tháng 8 năm 2017, tại các văn bản lời khai nguyên đơn ông Võ Văn T trình bày:

Vào năm 1991, ông Võ Văn T và bà Phan Thị T tìm hiểu và tự nguyện yêu thương nhau, chung sống vợ chồng nhưng đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống vợ chồng có với nhau ba người con chung là: Võ Thị Bé T, sinh năm 1992; Võ Thị Hạnh V, sinh năm 1995 và Võ Trọng N, sinh năm 1997.

Trong cuộc sống hằng ngày, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng sống ly thân nhau đã lâu, không quan tâm đến đời sống của nhau. Nay tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc ông Võ Văn T yêu cầu Tòa án nhân dân huyện PQ giải quyết không công nhận quan hệ giữa ông với bà Phan Thị T là vợ chồng do ông, bà không có đăng ký kết hôn.

- Về con chung: Vợ chồng có với nhau 03 người con chung: Võ Thị Bé T, sinh năm 1992; Võ Thị Hạnh V, sinh năm 1995 và Võ Trọng N, sinh năm 1997. Nay các con đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Về công nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

*** Tại các văn bản ghi lời khai bị đơn bà Phan Thị T trình bày:**

Bà Thoa thống nhất với lời trình bày của ông T. Nay tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc, ông T yêu cầu Tòa án nhân dân huyện PQ giải quyết không công nhận quan hệ giữa ông với bà là vợ chồng do ông, bà không có đăng ký kết hôn thì bà Thoa đồng ý.

- Về con chung: vợ chồng có với nhau 03 người con chung: Võ Thị Bé T, sinh năm 1992; Võ Thị Hạnh V, sinh năm 1995 và Võ Trọng N, sinh năm 1997. Nay các con đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Về công nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định như sau:

[1]Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn và bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bà T và ông T.

[2]Về quan hệ hôn nhân: Ông Võ Văn T và bà Phan Thị T tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1991, hai người có đủ điều kiện kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn mà vẫn chung sống như vợ chồng là vi phạm Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Quá trình chung sống vợ chồng có với nhau 03 người con chung; tài sản chung vợ chồng tự thỏa thuận phân chia; nợ chung ông T và bà T xác nhận không có, ông T và bà T thống nhất yêu cầu Tòa án không công nhận giữa hai ông bà là vợ chồng. Căn cứ Điều 14, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận quan hệ giữa ông Võ Văn T và bà Phan Thị T là vợ chồng.

[3]Về con chung: Chị Võ Thị Bé T, sinh năm 1992; Chị Võ Thị Hạnh V, sinh năm 1995 và anh Võ Trọng N, sinh năm 1997 đã trưởng thành Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]Về tài sản chung: Ông T và bà T tự thỏa thuận, không yêu cầu xem xét giải quyết nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[5]Về công nợ chung: Ông T và bà T xác nhận không có, không yêu cầu xem xét giải quyết nên Hội đồng xét xử miễn xét.

Về án phí: Ông Võ Văn T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 28; 147; 227; 266; 271; 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng Điều 9; 14; 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng khoản 5 Điều 27, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Võ Văn T và bà Phan Thị T.

2. Về tài sản chung: Ông T và bà T tự thỏa thuận. Hội đồng xét xử miễn xét.

3. Về công nợ chung: Ông T và bà T xác nhận không có. Hội đồng xét xử miễn xét.

4.Về án phí: Ông Võ Văn T chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng mà ông T đã nộp theo biên lai thu số 0006230 ngày 27/9/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện PQ, ông Võ Văn T không phải nộp thêm.

Bà Phan Thị T không phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án,

quyền yêu cầu thi hành ánh án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong hạn luật định 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (Ông T và bà T vắng mặt tại phiên tòa nên có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản sao bản án được niêm yết tại nơi cư trú cuối cùng) để xin xét xử phúc thẩm tại Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang./.

***Nơi nhận*:**
- TA tỉnh Kiên Giang;
- VKS huyện Phú Quốc;
- THA huyện Phú Quốc;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Lâm Thanh Điền